

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH BÁO CHÍ, CHUYÊN NGÀNH QUAY PHIM TRUYỀN HÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4394-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2022
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tên văn bằng	: Cử nhân Báo chí
Trình độ đào tạo	: Đại học
Tên CTĐT	: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình
Tên tiếng Anh	: BA Camera Technique
Mã số	: 7320101
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Khoa quản lý	: Khoa Phát thanh- Truyền hình

1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Khoa Phát thanh- Truyền hình

1.1. Sứ mạng

- Sứ mạng của Học viện:

Là trường Đảng, trường đại học được xây dựng thành trường trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Học viện có sứ mệnh nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác

- Sứ mạng của Khoa Phát thanh - Truyền hình

Khoa Phát thanh- Truyền hình thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

1.2. Tầm nhìn

- Tầm nhìn của Học viện:

Học viện là trường Đảng, đồng thời là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, hàng đầu của Việt Nam. Tiếp tục khẳng định, giữ vững vị thế của một trường đại học hàng đầu trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu lĩnh vực lý luận chính trị, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông với đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và quốc tế.

Học viện phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực; phấn đấu đến 2045 trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín cao và được xếp hạng quốc tế.

- Tầm nhìn của Khoa: Phát thanh - Truyền hình

Khoa Phát thanh- Truyền hình thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực báo chí - truyền thông. Khoa không ngừng phấn đấu trở thành đơn vị có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới.

1.3. Giá trị cốt lõi

- Giá trị cốt lõi của Học viện:

+ Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

+ Dân chủ: là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Khoa.

+ Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Khoa.

- + Sáng tạo: Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.
- + Chất lượng: là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Khoa, hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng.
- + Công hiến: là trách nhiệm, lý tưởng, lối sống của mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Khoa.

- *Giá trị cốt lõi của Khoa Phát thanh – Truyền hình:*

- + Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Khoa.
- + Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Khoa
- + Chất lượng: là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Khoa, hướng tới xây dựng văn hóa và truyền thống chất lượng.

2. Chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng thực hiện các kỹ năng nghiệp vụ của nhà báo và công việc ở các toà soạn báo, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo mạng điện tử; làm chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng ngành báo chí; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Quay phim truyền hình;
- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí – truyền thông của Việt Nam và thế giới;
- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm quay phim truyền hình;
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

2.1.2.2. Về kỹ năng

Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng tích hợp trong lao động sáng tạo tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí và chuyên ngành Quay phim truyền

hình: Kỹ năng phát hiện đề tài, thu thập và xử lý thông tin, sáng tạo tác phẩm ảnh quay phim truyền hình, biên tập, theo dõi phản hồi...

- Có kỹ năng tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông nói chung và loại hình Quay phim truyền hình nói riêng: Kỹ thuật quay phim, Nghệ thuật quay phim, Dựng phim truyền hình...

- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong lao động báo chí: trong sáng tạo tác phẩm báo chí, trong tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông.

Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;
- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

2.1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí.
- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.
- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

2.2. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Phóng viên, biên tập viên và các công việc chuyên môn khác trong các toà soạn báo, tạp chí, các hãng tin và các cơ quan báo chí khác (đài phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...) có nhu cầu nhân lực báo chí tích hợp chuyên ngành báo ảnh;
- Cán bộ chuyên môn báo chí trong các cơ quan, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ báo chí;
- Ngoài ra, có thể thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan, đơn vị có liên quan đến báo chí - truyền thông.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Nếu có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá trở lên có thể tham gia tuyển sinh đào tạo thạc sĩ ngành Báo chí học, chuyên ngành Báo chí hoặc Quản lý báo chí – truyền thông.
- Nếu có bằng thạc sĩ có thể tham gia xét tuyển đào tạo tiến sĩ ngành Báo chí học.

- **Trình độ ngoại ngữ:** Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- **Trình độ tin học:** Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Căn cứ xây dựng chương trình

3.1. Căn cứ thực tiễn

3.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Ban hành năm 2020);

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí hiện hành tại một số cơ sở đào tạo như Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Văn hóa Hà Nội...

Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc)
- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ)
- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông thông số và truyền thông (ĐH Westminster)

3.1.2. Kết quả khảo sát

Căn cứ vào kết quả khảo sát các bên liên quan, bao gồm khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên và chuyên gia

- Thời điểm khảo sát: năm 2021
- Hình thức và đối tượng khảo sát:

+ Phòng văn an-kết 300 phiếu hỏi trên phạm vi cả nước (100 phiếu tại các tỉnh miền Bắc, 100 phiếu khu vực miền Trung, 100 phiếu miền Nam, tập trung nhiều nhất ở 3 thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh). Khảo sát được thực hiện với nhóm đối tượng làm việc liên quan đến lĩnh vực báo chí- truyền thông, như: biên tập viên, phóng viên, các nhà quản lý cơ quan báo chí- truyền thông, nhà nghiên cứu, chuyên gia lĩnh vực báo chí, các nhân viên, nhà lãnh đạo trong các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp báo chí- truyền thông.

+ Phòng vấn sâu: chúng tôi gửi khung chương trình tuyển dụng và tiến hành phỏng vấn sâu đồng thời lấy ý kiến đánh giá của 15 nhà lãnh đạo, quản lý báo chí truyền thông, chuyên gia, tổng biên tập các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam về chương trình đào tạo.

* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2021, 2022 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

3.2 Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội ban hành;

Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/04/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

4.1. Về kiến thức

Kiến thức đại cương

PLO 1. Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

PLO 2. Hiểu và vận dụng một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

Kiến thức cơ sở ngành.

PLO 3. Hiểu các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam, đồng thời phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm lịch sử báo chí, văn hóa báo chí – truyền thông, tâm lý báo chí – truyền thông, truyền thông xã hội và mạng xã hội.

Kiến thức ngành

PLO 4. Phân tích được cơ sở lý luận báo chí, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực báo chí.

PLO 5. Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo, nguyên tắc hoạt động của nhà báo.

PLO 6. Phân biệt được các loại hình báo chí, bao gồm báo in, báo ảnh, báo phát thanh, báo truyền hình, và báo mạng điện tử; Xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại tác phẩm báo chí theo từng loại hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh;

PLO 7: Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại báo chí; nội dung, hình thức các thể loại tác phẩm báo chí theo từng lĩnh vực.

Kiến thức chuyên ngành

PLO 8. Phân tích được đặc điểm của loại hình báo chí bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

PLO 9. Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm Quay phim truyền hình.

PLO 10. Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí-truyền thông.

4.2. Về kỹ năng

Kỹ năng chung

PLO 11. Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

PLO 12. Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

PLO 13. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

PLO 14. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

PLO 15. Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

Kỹ năng chuyên biệt

PLO 16. Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin.

PLO 17. Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng, bao gồm: sáng tạo thông điệp tác phẩm; trình bày tác phẩm báo chí sử dụng ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh hiệu quả.

PLO 18. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

PLO 19. Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất tác phẩm báo chí.

PLO 20. Kỹ năng tổ chức, phát triển quay phim, bao gồm hình ảnh tin tức, phóng trên các sản phẩm truyền hình - truyền thông.

PLO 21. Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

PLO 22. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí – truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO 23. Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

PLO 24. Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông.

PLO 25. Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

PLO 26. Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

PLO 27. Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

5. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Quay phim truyền hình là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các module, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

PLOs Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)																										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
Kiến thức	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X																	
Kỹ năng											x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X					
Mức độ tự chủ và trách nhiệm																							x	x	x	x	x

6. Chuẩn đầu vào CTĐT

Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh từng năm của Học viện.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

8. Nội dung chương trình

8.1. Các khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ
----------------	------------

A. Kiến thức giáo dục đại cương	44
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
A2. Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	6/18
A3. Toán và khoa học tự nhiên	3
A4. Ngoại ngữ	15/30
A5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	86
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	18
B1. Kiến thức cơ sở ngành	12
<i>Bắt buộc</i>	6/18
<i>Tự chọn</i>	28
B2. Kiến thức ngành	25
<i>Bắt buộc</i>	3/6
<i>Tự chọn</i>	11
B3. Kiến thức bổ trợ	5
<i>Bắt buộc</i>	6/12
<i>Tự chọn</i>	15
B4. Kiến thức chuyên ngành	9
<i>Bắt buộc</i>	6/18
<i>Tự chọn:</i>	14
B5. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận	8
	6

8.2. Nội dung chi tiết

TT	Mã học	Tên học phần	Số	Số giờ tín chỉ	Số tiết	Học phần tiên
----	--------	--------------	----	----------------	---------	---------------

	phần		tín chỉ	Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	quyết
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			41										
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM01012	Triết học Mác- Lênin	3	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	5	5	10	10	5	0	5	15	
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			15										
Bắt buộc													
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	20	15	0	20	10	20	0	10	0	TM01001 CN01001
7	CT01001	Chính trị học	2	25	20	5	10	10	15	0	25	15	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	20	5	5	15	5	10	0	0	15	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	0	15	0	5	10	30	0	0	0	
Tự chọn													
10	XH01001	Xã hội học đại cương	2	25	5	5	15	5	5	0	5	15	
11	QT02552	Địa chính trị thế giới	2	25	5	5	15	5	5	0	5	15	
12	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	2	10	5	5	20	0	10	0	0	15	
13	KT01006	Kinh tế học đại cương	2	25	5	5	15	5	5	0	5	15	
14	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	5	5	20	0	10	0	0	15	
15	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	2	15	5	5	20	0	10	0	0	15	
16	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	0	5	5	15	5	10	0	0	15	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
17	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	2	30	5	5	20	0	5	0	5	15	
18	ĐC01004	Lý luận văn học	2	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
A3. Tin học.			3										
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	5	20	20	5	0	0	40	0	60	
A4. Ngoại ngữ			12/24										
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
23	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	3	25	20	5	15	5	25	0	15	15	
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	20	25	10	20	5	30	0	20	30	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
27	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	3	25	20	5	15	5	25	0	15	15	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			86										
B1. Kiến thức cơ sở ngành			18										
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	25	20	5	10	10	15	0	25	15	
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	3	20	20	5	10	10	20	0	20	15	NP01001
30	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	3	20	20	5	15	5	15	0		15	
31	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	15	15	15	10	5	15	0	15	45	
Tự chọn			6/18										

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
32	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	3	25	20	5	10	10	20	0	20	15	BC02801
33	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	3	25	20	5	10	10	20	0	20	15	
34	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	3	25	20	5	10	10	20	0	20	15	
35	PT02805	Lịch sử báo chí	3	25	20	5	10	10	30	0	10	15	
36	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	20	20	5	10	10	20	0	20	15	
37	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	3	25	20	5	10	10	20	0	20	15	
B2. Kiến thức ngành			28										
Bắt buộc													
38	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	3	25	20	5	10	10	15	0	25	15	
39	BC03802	Lao động nhà báo	3	25	20	5	10	10	20	0	20	15	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
40	BC03804	Tác phẩm báo in	5	25	40	10	15	10	20	30	30	30	
41	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	5	25	40	10	15	10	20	20	40	30	
42	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	5	30	45	0	20	10	20	10	60	0	PT03848,BC02110
43	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	5	25	40	10	15	10	20	30	30	30	
44	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2	10	10	10	10	0	0	0	20	30	
B3. Kiến thức bổ trợ			11										
Bắt buộc			5										
45	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5	15	60	0	5	10	30	30	60	0	
Tự chọn	6/27												
46	BC03813	Báo chí về chính trị - xã	3	20	20	5	10	10	30	10	0	15	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		hội											
47	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3	20	20	5	10	10	30	10	0	15	
48	BC03815	Báo chí về khoa học và giáo dục	3	20	20	5	10	10	30	10	0	15	
49	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	3	20	20	5	10	10	30	10	0	15	
50	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3	20	20	5	10	10	30	10	0	15	
51	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3	20	20	5	10	10	30	10	0	15	
52	PT03819	Báo chí về thể thao và giải trí	3	20	20	5	10	10	30	10	0	15	
53	BC03640	Báo chí - truyền thông	3	20	20	5	10	10	30	10	0	15	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		với các vấn đề toàn cầu											
B4. Kiến thức chuyên ngành			22										
Bắt buộc			9										
54	PT03880	Kỹ thuật quay phim	4	15	30	0	5	10	0	30	30	0	
54	PT03862	Nghệ thuật quay phim	5	15	60	0	5	10	30	30	60	0	
55	PT03852	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3	15	30	0	10	5	20	10	30	0	
55	PT03870	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	4	5	50	5	5	0	0	0	100	15	
Tự chọn			6/18										
56	PT03853	Dựng phim truyền hình	4	15	30	0	5	10	0	30	30	0	PT03806
57	PT03851	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	3	20	20	5	10	10	20		20	15	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
58	PT03872	Tổ chức sản xuất chương trình báo mạng điện tử	3	10	25	10	5	5	10	15	25	30	
59	PT04820	Kỹ năng điều tra	3	10	25	10	10	0	0	0	50	30	
60	PT03855	Báo chí di động	3	10	25	10	10	5	0	10	20	30	
61	PT03852	Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình	3	10	25	10	10	0	0	0	50	30	
B5. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận			10										
62	PT03850	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4	5	50	5	5	0	0	0	100	15	
63	PT04805	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt	6	5	80	5	5	0	0	0	160	15	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		ngành											
Học phần thay thế khóa luận													
64	PT04818	Phim tài liệu truyền hình	3	10	25	10	10	0	0	0	50	30	PT63016
65	PT04819	Đạo diễn truyền hình	3	10	25	10	10	0	0	0	50	30	

10. Ma trận liên kết giữa các học phần với CĐR của CTĐT

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Quay phim Truyền hình là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các module, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)																										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	Triết học Mác – Lênin	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)																										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
6	Pháp luật đại cương	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
7	Chính trị học	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
8	Xây dựng Đảng	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
10	Xã hội học đại cương	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
11	Địa chính trị thế giới	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
12	Tiếng Việt thực hành	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
13	Kinh tế học đại cương	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x
15	Ngôn ngữ học đại	x	x	x	x													x	x					x	x	x	x	x

TT	Tên học phần cương	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)																														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27				
16	Tâm lý học xã hội	x	x	x	x													x	x						x	x	x	x	x			
17	Quan hệ quốc tế đại cương	x	x	x	x													x	x						x	x	x	x	x			
18	Lý luận văn học	x	x	x	x													x	x						x	x	x	x	x			
19	Tin học ứng dụng				x													x	x						x	x	x	x	x			
20	Tiếng Anh học phần 1				x													x	x						x	x	x	x	x			
21	Tiếng Anh học phần 2				x													x	x						x	x	x	x	x			
22	Tiếng Anh học phần 3				x													x	x						x	x	x	x	x			
23	Tiếng Anh học phần 4				x													x	x						x	x	x	x	x			
23	Tiếng Trung học phần 1				x													x	x						x	x	x	x	x			
24	Tiếng Trung học phần 2				x													x	x						x	x	x	x	x			
24	Tiếng Trung học phần 3				x													x	x						x	x	x	x	x			
25	Tiếng Trung học phần 4				x													x	x						x	x	x	x	x			
26	Lý thuyết truyền thông					x	x											x	x						x	x	x	x	x			

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)																										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
27	Pháp luật và đạo đức báo chí-truyền thông					x	x											x	x					x	x	x	x	x
28	Công chúng báo chí - truyền thông					x	x											x	x					x	x	x	x	x
29	Quan hệ công chúng và quảng cáo					x	x											x	x					x	x	x	x	x
30	Ngôn ngữ báo chí					x	x											x	x					x	x	x	x	x
31	Biên tập văn bản báo chí					x	x											x	x					x	x	x	x	x
	Tâm lý học báo chí - truyền thông					x	x											x	x					x	x	x	x	x
32	Lịch sử báo chí					x	x											x	x					x	x	x	x	x
33	Truyền thông xã hội và mạng xã hội					x	x											x	x					x	x	x	x	x
34	Văn hoá báo chí - truyền thông					x	x											x	x					x	x	x	x	x
35	Cơ sở lý luận báo chí														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x
36	Tác phẩm báo in														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x
37	Tác phẩm báo phát thanh														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)																														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27				
38	Tác phẩm báo truyền hình														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
39	Tác phẩm báo mạng điện tử														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
40	Thực tế chính trị - xã hội														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
41	Lao động nhà báo														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
42	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
43	Báo chí về chính trị - xã hội														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
44	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
45	Báo chí về khoa học và giáo dục														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
47	Báo chí về an ninh quốc phòng														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
48	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
48	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
49	Báo chí về thể														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)																														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27				
	thao và giải trí																															
50	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
51	Kỹ thuật quay phim														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
52	Nghệ thuật quay phim														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
53	Nghệ thuật nhiếp ảnh														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
55	Dựng phim truyền hình														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
56	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
57	Tổ chức sản xuất chương trình báo mạng điện tử														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
58	Kỹ năng điều tra														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
59	Báo chí di động														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
60	Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình														x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			
61	Thực tập nghiệp	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				

TT	Tên học phần vụ (năm ba)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)																										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
62	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
63	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
64	Phim tài liệu truyền hình														x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
65	Đạo diễn truyền hình														x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x

11. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

- Năm học thứ 1: Sinh viên học chương trình đại cương. Cùng lúc đó, sinh viên được hướng dẫn chủ động tìm hiểu lý luận và kỹ năng báo chí cơ bản phục vụ cho quá trình đào tạo tiếp sau.
- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn học cơ sở ngành về báo chí- truyền thông nói chung, quay phim truyền hình nói riêng.
- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp kiến tập tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn học liên quan đến quay phim truyền hình theo kế hoạch.
- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về quay phim truyền hình và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở có liên kết.

Cụ thể:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8	
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	x							
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2						x		
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				x				
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2							x	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2								x
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3				x				
7	CT01001	Chính trị học	2							x	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2								x
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2			x					
10	XH01001	Xã hội học đại cương	2			x					
11	QT02552	Địa chính trị thế giới	2			x					
12	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	2			x					
13	KT01006	Kinh tế học đại cương	2			x					
14	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			x					
15	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	2			x					
16	TG01007	Tâm lý học xã hội	2			x					
17	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	2			x					
18	ĐC01004	Lý luận văn học	2			x					
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3				x				
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	x							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4				x				
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4					x			
23	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	3						x		
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	x							
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4				x				
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4					x			
27	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	3						x		
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	x							
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí- truyền thông	3					x			
30	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	3							x	
31	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3								x
32	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	3	x							
33	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	3	x							
34	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	3	x							
35	PT02805	Lịch sử báo chí	3								x
36	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3								x
37	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	3								x
38	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	3			x					
39	BC03804	Tác phẩm báo in	5				x				
40	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	5					x			
41	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	5			x					
42	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	5						x		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ						
			1	2	3	4	5	6	7	8
43	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	2			x				
44	BC03802	Lao động nhà báo	3						x	
45	PT03852	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3						x	
46	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5	x						
47	BC03813	Báo chí về chính trị - xã hội	3					x		
48	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3					x		
49	BC03815	Báo chí về khoa học và giáo dục	3					x		
50	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	3					x		
51	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3					x		
52	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3					x		
53	PT03819	Báo chí về thể thao và giải trí	3					x		
54	BC03640	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3					x		
56	PT03851	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	3					x		
57	PT03880	Kỹ thuật quay phim	5		x			x		
58	PT03862	Nghệ thuật quay phim	3					x		
59	PT03881	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3		x					
60	PT03853	Dựng phim truyền hình	3					x		
61	PT03851	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	3		x					
62	PT03872	Tổ chức sản xuất chương trình báo mạng điện tử	3		x					
63	PT04820	Kỹ năng điều tra	3							x
64	PT03855	Báo chí di động	3							x
65	PT03852	Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình								x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8	
66	PT03870	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)							x		
67	PT03850	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)									X
68	PT04805	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp									X
69	PT04818	Phim tài liệu truyền hình									X
70	PT04819	Đạo diễn truyền hình									x

11. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp giảng dạy thường được sử dụng ở bậc đại học:

TT	Phương pháp giảng dạy
1	Giảng lý thuyết
2	Thảo luận
3	Nghiên cứu trường hợp
4	Dạy học thông qua vấn đề
5	Dạy học thông qua làm dự án
6	Thuyết trình
7	Đóng vai, mô phỏng
8	Làm thí nghiệm, bài tập thực hành
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập

12. Phương pháp học tập

Phương pháp học tập phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp học tập thường được sử dụng ở bậc đại học:

TT	Phương pháp học tập
1	Học lý thuyết
2	Thảo luận
3	Nghiên cứu trường hợp
4	Học thông qua vấn đề
5	Học thông qua dự án
6	Thuyết trình
7	Đóng vai, mô phỏng
8	Làm thí nghiệm, bài tập thực hành
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập

13. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học	Trực tiếp	Trực tuyến (tối đa 30%)
----	---------	-----------	-------------------------

	phần	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Triết học Mác-Lênin	x															
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x															
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x															
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x															
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x															
6	Pháp luật đại cương	x															
7	Chính trị học	x															
8	Xây dựng Đảng	x															

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn							x									
10	Xã hội học đại cương	x															
11	Địa chính trị thế giới	x															
12	Tiếng Việt thực hành	x															
13	Kinh tế học đại cương	x															
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x															
15	Ngôn ngữ học đại cương	x															
16	Tâm lý học	x															

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	xã hội																
17	Quan hệ quốc tế đại cương	x															
18	Lý luận văn học	x															
19	Tin học ứng dụng			x													
20	Tiếng Anh học phần 1			X													
21	Tiếng Anh học phần 2			X													
22	Tiếng Anh học phần 3			X													
23	Tiếng Anh học phần 4			X													
24	Tiếng Trung học phần 1			X													
25	Tiếng Trung học phần 2			X													

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
26	Tiếng Trung học phần 3			X													
27	Tiếng Trung học phần 4			X													
28	Lý thuyết truyền thông							x									
29	Pháp luật và đạo đức báo chí- truyền thông							x									
30	Công chúng báo chí - truyền thông							x									
31	Quan hệ công chúng và quảng cáo							x									
32	Ngôn ngữ báo chí						x										
33	Biên tập văn						x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	bản báo chí																
34	Tâm lý học báo chí - truyền thông							x									
35	Lịch sử báo chí						x										
36	Truyền thông xã hội và mạng xã hội							x									
37	Văn hoá báo chí - truyền thông							x									
38	Cơ sở lý luận báo chí							x									
39	Tác phẩm báo in							x									
40	Tác phẩm báo phát thanh							x									

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
41	Tác phẩm báo truyền hình							x									
42	Tác phẩm báo mạng điện tử							x									
43	Thực tế chính trị - xã hội						x										
44	Lao động nhà báo						x										
45	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số							x									
46	Báo chí về chính trị - xã hội							x									
47	Báo chí về kinh tế và an							x									

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	sinh xã hội																
48	Báo chí về khoa học và giáo dục							x									
49	Báo chí về an ninh quốc phòng							x									
50	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật							x									
51	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu							x									
52	Báo chí về thể thao và giải trí							x									
51	Báo chí - truyền thông với các vấn							x									

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	đề toàn cầu																
52	Kỹ thuật quay phim							x									
53	Nghệ thuật quay phim							x									
54	Nghệ thuật nhiếp ảnh							x									
55	Dựng phim truyền hình							x									
56	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình							x									
57	Tổ chức sản xuất chương trình BMĐT							x									
58	Báo chí di động							x									
59	Kỹ năng điều tra						x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
60	Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình							x									
61	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)						x										
62	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)						x										
63	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp								x								
64	Phim tài liệu truyền hình						x	x	x						x	x	x
65	Đạo diễn truyền hình						x	x	x						x	x	x

14. Điều kiện đội ngũ

14.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Trần Thị Vân Anh (1979)	05/8/1979	Ngôn ngữ			x		
2	Vũ Huyền Nga	05/9/1975	Báo chí			x		
3	Nguyễn Thị Trường Giang	16/4/1978	Báo chí		x	x		
4	Trương Thị Kiên	4/1/1978	Báo chí		x			
5	Lê Ngọc Tùng	24/03/1981	Báo chí				x	
6	Dương Quốc Bình	27/10/1986	Truyền thông				x	
7	Lương Thị Phương Diệp	07/10/1985	Báo chí				x	
8	Trần Thị Phương Lan	07/12/1982	Báo chí				x	
9	Trần Thị Hoa Mai	11/2/1971	Báo chí				x	
10	Lê Thị Nhã	01/3/1966	Báo chí			x		
11	Đinh Thị Xuân Hòa	15/6/1974	Báo chí			x		
12	Nguyễn Văn Trường	01/05/1974	Báo chí			x		

14.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Nguyễn Thành Lợi	1974	Truyền thông		x	x		
2	Ngô Việt Anh	1979	Báo chí				X	
3	Vũ Tuấn Anh	1978	Truyền thông			X		
4	Lê Hải	1981	Báo chí			X		
5	Phạm Thị Thu Huyền	1980	Báo chí			X		
6	Trần Bảo Khánh	1958	Báo chí			x		

7	Nhạc Phan Linh	1981	Xã hội học			x		
8	Nguyễn Quang Vinh	1967	Báo chí			x		
9	Nguyễn Thị Bích Yến	1978	Báo chí			x		
10	Trần Thị Tri	1963	Kinh tế			x		

15. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT

15.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Phòng thực hành, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

<i>TT</i>	<i>Tên</i>	<i>Các trang thiết bị chính</i>	<i>Số lượng</i>
1	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2
4	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	- Bộ trộn tín hiệu. - Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	1

<i>TT</i>	<i>Tên</i>	<i>Các trang thiết bị chính</i>	<i>Số lượng</i>
5	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	1
6	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	1

<i>TT</i>	<i>Tên</i>	<i>Các trang thiết bị chính</i>	<i>Số lượng</i>
7	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1
8	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	1
11	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

Thông kê phòng học

<i>TT</i>	<i>Loại phòng</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Diện tích sàn xây dựng (m²)</i>
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990

1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

15.2. Học liệu phục vụ học tập, giảng dạy

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ:.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.000 tài liệu, trong đó 1.876 tài liệu in, 1124 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	33.363 tài liệu, trong đó: 25.747 tài liệu in; 7.616 tài liệu số.

15.2. Học liệu phục vụ học tập giảng dạy (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace>.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9,119 tài liệu số.

15.3. Thống kê giáo trình, bài giảng (tổng hợp từ sách và giáo trình ở đề cương chi tiết học phần): thống kê số lượng và phân loại: số giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đề cương bài giảng...

STT	Loại tài liệu	Số lượng
1	Giáo trình	5
2	Sách chuyên khảo	10
3	Sách tham khảo	10
4	Đề cương bài giảng	5

16. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Thời gian điều chỉnh: 2 năm rà soát điều chỉnh, đổi mới chương trình 1 lần.
- Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ
- Sinh viên được xét tuyển học song bằng khi tích lũy đủ 30 tín chỉ trong CTĐT ngành thứ nhất

- Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.

+ Sinh viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung

+ Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới

+ Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung

Sinh viên chọn một học phần tự chọn trong cùng khối kiến thức không trùng với học phần đã học để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ.

17. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2020	Chương trình năm 2022	Ghi chú
Mục tiêu đào tạo	Có	Cập nhật, điều chỉnh	
Chuẩn đầu ra	33	Xác định mang tính tổng quát hơn, giảm còn 27	
Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia	Chưa có	Có	
Tiêu chí tuyển sinh	Có	Có	
Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	Có	Có	
Nội dung chương trình	Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ	-Phân bổ cụ thể số giờ tín chỉ lý thuyết, thực hành, tự học, các tiết học lý thuyết trực tiếp, trực tuyến, thực hành tại phòng học lý thuyết, thực hành trực tuyến, thực hành tại thực địa, thực hành tại phòng thực hành, tự học có	

		hướng dẫn, có kiểm tra, đánh giá của giảng viên.	
Ma trận liên kết giữa các học phần với CĐR của CTĐT	Có	Có, điều chỉnh	
Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	Có	Có, điều chỉnh phù hợp chương trình	
Hình thức đánh giá	Có	Bổ sung thêm hình thức cụ thể, có đánh giá trực tuyến	
Hướng dẫn thực hiện chương trình	Có	Có, điều chỉnh theo yêu cầu của chương trình mới	
Điều kiện đội ngũ	Chưa có	Bổ sung, cập nhật đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng	
Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT	Có	Có, bổ sung dữ liệu gồm Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, thống kê về học liệu có trong Thư viện, thống kê giáo trình, bài giảng.	

18. Mô tả các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			
1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh			
1.	TM01012	Triết học Mác – Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.
2.	KT01011	Kinh tế chính trị Mác –	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản

		Lênin	thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...
3.	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN
4.	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.
5.	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.
1.2. Khoa học xã hội và nhân văn			
<i>Bắt buộc</i>			
6.	NP01001	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.
7.	CT01001	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam
8.	XD01001	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.
9.	TG01004	Phương pháp nghiên cứu	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài

		khoa học xã hội và nhân văn	khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.
<i>Tự chọn</i>			
10.	XH01001	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.
11.	QT02552	Địa chính trị thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.
12.	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.
13.	KT01006	Kinh tế học đại cương	Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.
14.	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...
15.	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.
16.	TG01007	Tâm lý học xã hội	Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các

			mối quan hệ xã hội tốt đẹp.
17.	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
18.	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.
1.3. Tin học			
19.	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.
1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)			
20.	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.
21.	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.
22.	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.
23.	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào

			hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.
24.	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.
25.	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			
<i>Bắt buộc</i>			
26.	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.
27.	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...
28.	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.

29.	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.
<i>Tự chọn</i>			
30.	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	Những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo chí trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.
31.	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	Nắm được đặc điểm của công tác biên tập, quy trình biên tập; từ việc lập kế hoạch tới các công đoạn biên tập văn bản ở các toà soạn cơ quan báo chí, các mẹo biên tập, ký hiệu dùng trong biên tập.
32.	BC02803	Tâm lý học báo chí – truyền thông	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm báo chí.
33.	PT02805	Lịch sử báo chí	Những nội dung cơ bản, khái quát về nguồn gốc ra đời, quá trình và xu hướng phát triển của báo chí nói chung và các loại hình báo chí nói riêng như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...
34.	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.
35.	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa báo chí truyền thông: khái niệm, mối quan hệ giữa văn hóa và báo chí truyền thông; thực trạng văn hóa báo chí truyền thông và những giải pháp giúp nâng tầm văn hóa báo chí truyền thông hiện nay. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử có văn hóa khi đi tác nghiệp tại cơ sở; giúp sinh viên chuyên ngành báo chí có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình về văn hóa báo chí để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.
2.2. Kiến thức ngành			

36.	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	Những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.
37.	BC03802	Lao động nhà báo	Những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.
38.	BC03804	Tác phẩm báo in	Những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo chí; trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí; rèn luyện các kỹ năng và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các thể loại tác phẩm báo chí cơ bản như: tin, bài phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, bình luận.
39.	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.
40.	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	Những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Sinh viên nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.
41.	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.
42.	BC03840	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị -

			kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại nơi thực địa.
2.3. Kiến thức bổ trợ			
<i>Bắt buộc</i>			
43.	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	Những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.
<i>Tự chọn</i>			
44.	BC03813	Báo chí về chính trị - xã hội	Những kiến thức cơ bản về báo chí chính trị-xã hội và tầm quan trọng của nó trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí chính trị-xã hội và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực chính trị-xã hội; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực chính trị-xã hội
45.	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	Những kiến thức cơ bản về kinh tế và an sinh xã hội: vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng, nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành: tự tìm kiếm, phản biện, chọn lựa đề tài và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội một cách chính xác, hiệu quả.
46.	BC03815	Báo chí về khoa học và giáo dục	Những kiến thức cơ bản của báo chí về khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.
47.	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của quốc phòng an ninh trong giai đoạn hiện nay; hiểu được mục đích, yêu cầu, nội dung của việc tuyên truyền về giáo dục quốc phòng- an ninh và cách tuyên truyền trên các sản phẩm truyền thông. Sinh viên cũng nắm được cách viết báo về nội dung quốc phòng-an ninh, những lưu ý khi viết về Quốc phòng-an ninh
48.	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.
49.	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về môi trường và biến đổi khí hậu, và một số kỹ năng báo chí về đề tài này. Cụ thể, về phần kiến thức, làm rõ nguyên nhân, thực trạng và giải pháp của các vấn đề môi trường, xử lý chất thải, bảo vệ đa dạng sinh học, năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí

			hậu... Về phần kỹ năng, bao gồm các kỹ năng kể chuyện, nhập vai, thu thập và phân tích thông tin, chọn lựa đề tài và góc độ phản ánh, phỏng vấn, điều tra... Sinh viên học cách phân tích các tác phẩm và sáng tạo sản phẩm về Môi trường và Biến đổi khí hậu
50.	PT03819	Báo chí về thể thao và giải trí	Những kiến thức cơ bản về thể thao và giải trí; vị trí, vai trò, đặc trưng, kỹ năng và nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này. Sau đó, sinh viên thực hành tự tìm kiếm thông tin và thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực thể thao và lĩnh vực giải trí một cách chính xác, hiệu quả.
51.	BC03640	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	Những kiến thức cơ bản của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; tầm quan trọng của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu và một số vấn đề đặt ra; nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; sản xuất sản phẩm chuyên đề báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu

2.3. Kiến thức chuyên ngành

Bắt buộc

52.	PT03880	Kỹ thuật quay phim	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về kỹ thuật quay phim; giới thiệu một số loại camera hiện đang dùng trong ngành truyền hình, quy trình khai thác và xử dụng camera, xử lý những sự cố đơn giản thường tông màu cho hình ảnh theo ý đồ.
53.	PT03862	Nghệ thuật quay phim	Môn học này nhằm trang bị những kiến thức có hệ thống về quay phim chuyên nghiệp: lý luận chung về quay phim, kỹ năng quay phim cơ bản, ý thức nghề, ý thức và phẩm chất của người quay phim... để áp dụng khi tham gia sản xuất chương trình truyền hình. Phân thực hành rèn cho sinh viên tư duy hình ảnh cũng như các thao tác kỹ thuật của quay phim chuyên nghiệp.
54.	PT03881	Nghệ thuật nhiếp ảnh	Học phần này trang bị những kiến thức có hệ thống về nghệ thuật nhiếp ảnh và các kỹ năng cơ bản của nhiếp ảnh chuyên nghiệp; giới thiệu cho sinh viên về quy trình và các kỹ năng tác nghiệp trong nhiếp ảnh và theo đuổi mục tiêu; xử lý các cách kể chuyện bằng bố cục, cỡ cảnh trong nhiếp ảnh; lựa chọn và sử dụng các phương tiện, thiết bị hỗ trợ phù hợp.
55.	PT03870	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	Đợt thực tập này được xây dựng cho sinh viên nghiên cứu thực tế, tìm hiểu những vấn đề cơ bản, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; sinh viên tham gia sáng tạo tác phẩm theo yêu cầu của cơ quan báo chí; Tìm hiểu và tham gia vào toàn bộ quy trình hoạt động của cơ quan báo chí nơi thực tập; Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí
56.	PT03850	Thực tập tốt nghiệp (năm	Đợt thực tập này được xây dựng cho sinh viên nghiên cứu thực tế, tìm hiểu những vấn đề cơ bản, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; sinh viên tham gia sáng tạo tác

		tư)	phẩm theo yêu cầu của cơ quan báo chí; Tìm hiểu và tham gia vào toàn bộ quy trình hoạt động của cơ quan báo chí nơi thực tập; Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí; Tìm hiểu và tham gia vào toàn bộ quy trình hoạt động của cơ quan báo chí nơi thực tập; Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí
57.	PT04805	Sản phẩm tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp/Dự án tốt nghiệp	Sinh viên lựa chọn làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khoá luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn và thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng.
<i>Học phần thay thế khóa luận</i>			
58.	PT04818	Phim tài liệu truyền hình	Giới thiệu những kiến thức cơ bản về thể loại phim tài liệu truyền hình: lịch sử phát triển, những đặc trưng cơ bản, kỹ năng viết kịch bản, quy trình sáng tạo tác phẩm. Cùng với phần nghiên cứu lý thuyết, sinh viên sẽ được thực hành làm phim tài liệu.
59.	PT04819	Đạo diễn truyền hình	Môn học đạo diễn truyền hình sẽ tập trung giới thiệu những kiến thức cơ bản về tổ chức sản xuất chương trình trên hiện trường, cách điều tiết các công việc và nhiệm vụ của từng thành viên tham gia đoàn làm tác phẩm. Sinh viên hình thành những kỹ năng của đạo diễn ở một số thể loại cơ bản..
<i>Tự chọn</i>			
60.	PT03853	Dựng phim truyền hình	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về dựng phim, bao gồm: kỹ thuật dựng phim và các thủ pháp dựng phim. Phần kỹ thuật sinh viên làm quen với một số phần mềm dựng phim phổ biến; giới thiệu cách sử dụng các công cụ để cắt – ghép hình ảnh tạo nên câu hình, đoạn hình ảnh. Môn học cũng giới thiệu các thủ pháp dựng phim; các nguyên tắc xử lý audio trong quá trình dựng phim; xử lý mối quan hệ giữa lời bình, tiếng động và âm nhạc trong tác phẩm truyền hình.
61.	PT03851	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	Môn học này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về chương trình truyền hình, tổ chức sản xuất một chương trình truyền hình: khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, qui trình, công nghệ sản xuất một chương trình truyền hình. Sau khi học môn này sinh viên tham gia tổ chức thực hiện sản xuất một chương trình truyền hình hoàn chỉnh.
62.	PT03872	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm BMDT, bao gồm đặc trưng cơ bản của sản phẩm đa phương tiện và có thể thành thạo tác nghiệp, sản xuất sản phẩm báo chí trong môi trường báo chí hiện đại.

63.	PT04820	Kỹ năng điều tra	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng điều tra, gồm các khái niệm trong báo chí điều tra (thể loại, tác phẩm điều tra, phương pháp, kỹ năng điều tra), vai trò của kỹ năng điều tra trong tác nghiệp của nhà báo, các yếu tố cấu thành kỹ năng điều tra của nhà báo. Phân tích kỹ năng điều tra qua các tình huống, sự kiện, vấn đề cụ thể trên báo chí, bước đầu rèn luyện kỹ năng điều tra qua các bài tập thực hành liên quan đến thực tiễn hoạt động của báo chí.
64.	PT03855	Báo chí di động	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về báo chí di động như những ảnh hưởng của thiết bị di động đối với lĩnh vực báo chí truyền thông, lĩnh hội được những đặc trưng cơ bản của báo chí di động, nguyên tắc viết cho báo chí di động và có thể thành thạo tác nghiệp bằng thiết bị di động.
65.	PT03852	Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử ra đời phát triển; vị trí, vai trò, đặc điểm của chương trình trò chơi truyền hình; nhận biết được điểm tương đồng và khác biệt giữa trò chơi truyền hình và cuộc thi trên truyền hình; nắm được kỹ năng cơ bản để sản xuất một chương trình trò chơi truyền hình nói chung, các dạng chương trình trò chơi truyền hình nói riêng; có khả năng phân tích, đánh giá một cách khách quan, khoa học những chương trình trò chơi truyền hình đã phát sóng; có được kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp.
Tổng			



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Trần Văn Thư

TRƯỞNG KHOA

Đinh Thị Thu Hằng